

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 235/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2026

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

2. Bà Lê Thị Hoàng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 653/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc: “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 461/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phụng H**, sinh năm 1992 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Số CCCD: 083192001427;

Địa chỉ: **Số A, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.**

- Bị đơn: Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Số CCCD: 083085011462;

Địa chỉ: **Số B, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03/7/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phụng H** trình bày:* Bà **H** và ông **P** do tự tìm hiểu quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2024, có tiến hành đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long)** vào ngày 21/10/2024. Vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp; bà đã sống ly thân với ông **P** từ cuối năm 2024. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **P** để mỗi người có cuộc sống riêng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông **Lê Văn P** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà **Nguyễn Thị Phụng H** khởi kiện ông **Lê Văn P** yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông **Lê Văn P** là bị đơn cư trú tại **xã T, tỉnh Vĩnh Long** nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phụng H** có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Lê Văn P** vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà **H**, ông **P** là phù hợp.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **H** và ông **P** do tự tìm hiểu quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2024, có tiến hành đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long)** vào ngày 21/10/2024. Xét thấy, hôn nhân của bà **H** và ông **P** đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà **H** và ông **P** phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà **H** xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà **H** cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng tính tình không hợp, quá trình chung sống hay cãi vã; vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời bà **H** và ông **P** đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của ông bà nhưng ông **P** vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông **P** không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với bà **H**. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: bà **H** và ông **P** là vợ chồng nhưng ông bà không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà ông bà lại bỏ mặc nhau, nên ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **H** là phù hợp.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà **H** trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông **P** cũng không có văn bản trình bày là ông và bà **H** có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu do bà H yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phượng H đối với bị đơn ông Lê Văn P về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phượng H được ly hôn với ông Lê Văn P.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phượng H trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phượng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000296 ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Nguyễn Thị Phượng H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phượng H và ông Lê Văn P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Tiên Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Cẩm Trang